TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **153**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2022
V/v "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Cao Thị Thanh N, sinh năm 1980;

- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: thôn P, xã M, huyện S, tỉnh N.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2022, bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị Cao Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Thanh S tự nguyện kết hôn vào năm 2003, được Ủy ban nhân dân xã T cũ (nay là xã M), huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 03/7/2003. Trong thời gian chung sống, anh S thường xuyên chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm và

đánh đập chị vì ghen tuông, làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của chị cũng như ảnh hưởng đến các con. Chị đã nhiều lần bỏ qua và nhờ hai bên gia đình can thiệp, góp ý nhưng anh S vẫn không thay đổi. Đến nay, chị nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không thể hòa hợp nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để đảm bảo sức khỏe, tính mạng của chị.

Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 06/12/2004 và Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 24/8/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn - anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Cao Thị Thanh N tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã M), huyện S, tỉnh N. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh nóng tính, gia trưởng và có đánh chị N, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nhưng hiện nay anh đã biết sai nên hứa sẽ thay đổi. Vì vậy, anh không thống nhất yêu cầu ly hôn của chị N, anh muốn các con có đủ cha mẹ nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 06/12/2004 và Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 24/8/2012. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cháu Tr và giao cháu Ng cho chị N nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Cao Thị Thanh N có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Nguyễn Thanh S, địa chỉ: thôn P, xã M, huyện S, tỉnh N. Nay, chị N khởi kiện xin ly hôn với anh S và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh S tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 03/7/2003. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh S ghen tuông nên thường xuyên chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đánh đập chị; anh S cũng thừa nhận vì nóng tính, gia trưởng nên anh có đánh chị N, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh S đã biết mình sai, hứa sẽ thay đổi và muốn các con có đầy đủ cha mẹ nên anh không thống nhất ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Mặc dù anh S có nguyện vọng đoàn tụ gia đình nhưng anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; anh S có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thanh Tr và giao cháu Nguyễn Thảo Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nuôi con là trách nhiệm của cả cha lẫn mẹ; anh S, chị N đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tuy nhiên, cháu Ng là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc, gần gũi của người mẹ, đặc biệt khi cháu đến tuổi dậy thì, có nhiều thay đổi về tâm sinh lý. Đối với cháu Tr hiện nay đã hơn 17 tuổi nên có thể tự chăm sóc bản thân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: giao cháu Nguyễn Thanh Tr cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; giao cháu Nguyễn Thảo Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Thanh N về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Thanh N và anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 06/12/2004 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; giao cháu Nguyễn Thảo Ng, sinh ngày 24/8/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị N, anh S không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004745 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã M (Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 03/7/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Sen